

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/DS-ST
Ngày 25-8-2022
“*V/v tranh chấp hợp đồng thi công*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Sáu

2. Ông Hồ Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2022/TLST-DS, ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thi công*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N

Địa chỉ: Số 20, tổ 2, ấp 4, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Thanh Q – Giám đốc

Địa chỉ thường trú: Thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ liên hệ: Số 20, tổ 2, ấp 4, xã L, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày như sau:

Ngày 17/02/2020, giữa ông và Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N có ký với nhau một hợp đồng kinh tế số: 001-2020/HDGK-NP. Nội dung công

trình: Dự án xưởng chế tạo bồn áp lực CN1, hạng mục: Lắp đặt hoàn thiện mái-tole, địa điểm công trình tại khu công nghiệp ông K với tổng khối lượng trên hợp đồng là 459.750.000đ (bốn trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt. Thời điểm thanh toán: Vào cuối tháng, dựa trên khối lượng đã hoàn thành.

Thực hiện hợp đồng, phía ông đã hoàn thành xong khối lượng theo hợp đồng hai bên đã ký kết. Hai bên đã ký nghiệm thu công trình và thanh lý hợp đồng vào tháng 7/2020. Tuy nhiên, Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N chỉ mới thanh toán cho ông được tổng số tiền là 375.320.000đ (ba trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi ngàn đồng), còn nợ lại ông số tiền 84.430.000đ (tám mươi bốn triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Ông đã nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N thanh toán cho ông số tiền còn lại nêu trên nhưng công ty cứ hứa hẹn nhiều lần và không thanh toán cho ông.

Nay, ông yêu cầu Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N phải có trách nhiệm thanh toán cho ông số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng thi công còn lại là 84.430.000đ (tám mươi bốn triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, ông không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N hoàn trả cho ông T số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng thi công còn lại nhưng Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N đều vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ án cũng như không có văn bản gì trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ hợp đồng kinh tế số: 001-2020/HDGK-NP được ký kết giữa ông Nguyễn Văn T và Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N về dự án xưởng chế tạo bồn áp lực CN1, hạng mục lắp đặt hoàn thiện mái-tole, địa điểm công trình tại khu công nghiệp ông K với tổng khối lượng trên hợp đồng là 459.750.000đồng. Ông T đã thực hiện hoàn tất hợp đồng và yêu cầu phía Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N thanh toán số tiền còn lại theo hợp đồng là 84.430.000đồng. Tuy nhiên, Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N không thanh toán. Mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản hợp lệ cho bị đơn thể hiện việc nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N thanh toán số tiền còn nợ nhưng phía bị đơn vắng mặt và không cung cấp được bất kì văn bản nào phản hồi lại ý kiến của nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền còn nợ 84.430.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ theo Điều 10 của Hợp đồng kinh tế số: 001-2020/HDGK-NP, không ngày tháng năm 2020 được ký kết giữa ông Nguyễn Văn T với Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N thể hiện thỏa thuận về “Luật chi phối và trọng tài” thì trường hợp hai bên không thể tự giải quyết được thì một trong hai bên có quyền đưa vụ việc ra tòa án kinh tế để giải quyết. Tuy nhiên, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Do đó, việc các bên thỏa thuận Tòa án có thẩm quyền giải quyết nêu trên là không rõ ràng và không đúng theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên không được chấp nhận.

[1.2] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N thanh toán số tiền còn nợ chưa trả đối với hợp đồng thi công công trình là xưởng chế tạo bồn áp lực CN1, hạng mục lắp đặt hoàn thiện mái-tole, với số tiền là 84.430.000đồng. Do tranh chấp giữa cá nhân với pháp nhân, cụ thể giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T với bị đơn Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N có địa chỉ trụ sở đăng ký tại số 20, tổ 2, ấp 4, xã L, huyện B, tỉnh Long An nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng thi công”, Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng vắng mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N và ông T.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T yêu cầu Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N phải thanh toán số tiền thi công công trình còn thiếu là 84.430.000đồng, thấy rằng: Qua xem xét hợp đồng kinh tế số: 001-2020/HDGK-NP, không ngày tháng, năm 2020 được ký kết giữa ông Nguyễn Văn T với Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N do ông T cung cấp thì việc ký kết hợp đồng thi công trên giữa ông T và Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N là tự nguyện, các bên tham gia giao dịch có đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên Hợp đồng giữa các bên có hiệu lực và là cơ sở để Tòa án giải quyết vụ án.

[3] Căn cứ bảng xác nhận khối lượng thi công do ông T cung cấp thì bị đơn đã xác nhận cho nguyên đơn ông T khối lượng ông T đã thi công theo Hợp đồng kinh tế hai bên đã ký kết gồm: Máng xối chiều dài 800m x đơn giá 120.000đồng thành tiền là 96.000.000đồng, tôn mái 14.500m² x đơn giá 15.000đồng thành tiền là 217.500.000đồng, XG Mái với khối lượng 1.500cây x đơn giá 75.000đồng thành tiền là 112.500.000đồng, XG vách (vị trí A-C) với khối

lượng 340 cây x đơn giá 75.000 đồng thành tiền là 25.500.000 đồng và vị trí đầu hồi 110 x đơn giá 75.000 đồng thành tiền là 8.250.000 đồng, tổng giá trị cho khối lượng ông T đã thi công là 459.750.000 đồng. Bảng kê chiết tính khối lượng thi công này có người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N là ông Trương Thanh Q xác nhận, có ký tên và ghi họ tên bên dưới bảng kê khối lượng này. Căn cứ vào lời trình bày của ông T và bảng kê tiền tạm ứng ông T cung cấp thì Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N đã ứng và thanh toán cho nguyên đơn ông T tổng số tiền là 375.320.000 đồng. Như vậy, so với khối lượng ông T đã thi công cho bị đơn thì bị đơn còn nợ ông T số tiền chưa thanh toán là 84.430.000 đồng. Hơn nữa, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo cho Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N biết về yêu cầu khởi kiện của ông T đối với Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N. Tuy nhiên, Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N không đến và cũng không cung cấp chứng cứ phản đối lại yêu cầu của ông T nên bị đơn phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với sự vắng mặt của mình. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, căn cứ Điều 400, Điều 351, Điều 353 Bộ luật Dân sự, ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N trả số tiền 84.430.000 đồng tiền thi công còn nợ là có căn cứ và phù hợp với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Do trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm thanh toán nêu trên và cũng không yêu cầu Tòa án quyết về bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 6 Hợp đồng kinh tế số: 001-2020/HDGK-NP năm 2020 mà hai bên đã ký kết nên căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị đơn Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 400, Điều 351, Điều 353, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T. Buộc Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N phải trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền thi công còn nợ là 84.430.000 đồng (Tám mươi bốn triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Công ty TNHH Xây lắp Công nghiệp N phải chịu 4.221.500 đồng (Bốn triệu, hai trăm hai mươi một nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 2.118.750 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008587 ngày 07/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

4. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- THADS huyện Bến Lức;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thanh Thúy